

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH G

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2023/HS-ST

Ngày: 22/9/2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH G

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân H

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Lê Văn D

2. Ông Lưu Th

**Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Hiền B - Thư ký Toà án nhân dân Huyện Đ, tỉnh G.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc T - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân Huyện Đ - tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2023/HSST ngày 24/8/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST-HS ngày 05/9/2023 đối với bị cáo:

**Lê Văn T;** giới tính: Nam; sinh năm 1966, tại tỉnh G; Nơi cư trú: Thôn 1, xã A, thành phố P, tỉnh G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Mua bán phế liệu; Trình độ học vấn: 05/12; Cha: Lê Đ (đã chết), Mẹ: Nguyễn Thị M (đã chết); Gia đình bị cáo có 05 chị em, lớn nhất sinh năm 1960, nhỏ nhất sinh năm 1970, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L - sinh năm 1972, hiện sinh sống tại Thôn 1, xã A, thành phố P, tỉnh G; Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**Bị hại:** Anh Huỳnh Đức N, sinh năm 2007 (đã chết).

**Người đại diện hợp pháp cho bị hại:** Ông Huỳnh Đức H - sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị X - sinh năm 1973 (là cha mẹ ruột của bị hại). Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, Huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Anh Lê Nhật H - sinh ngày 25/4/2007. Địa chỉ: Thôn 1, xã A, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

**Người đại diện hợp pháp cho anh H:** Bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn 1, xã A, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:**

Vào tháng 6/2022, Lê Văn T biết rõ Lê Nhật H (sinh ngày 25/4/2007, trú tại Thôn 1, xã A, TP P, tỉnh G - chưa đủ 16 tuổi, chưa đủ điều kiện điều khiển xe máy tham gia giao thông đường bộ) nhưng T vẫn mua xe máy biển số 81AA – 184.88 có dung tích xi lanh 49cm<sup>3</sup> để giao cho H làm phương tiện đi học.

Khoảng 08 giờ ngày 28/3/2023, Lê Nhật H điều khiển xe máy trên đi học tại trường Trung học phổ thông (THPT) Nguyễn Huệ thuộc Tổ dân phố 8, thị trấn Đ, Huyện Đ, tỉnh G. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, Lê Nhật H điều khiển xe máy đi từ trường THPT Nguyễn Huệ lưu thông trên đường Trần Hưng Đạo, hướng từ Quốc lộ 19 đi xã N để đến quán bi-a “CLUP” thuộc Thôn 1, thị trấn Đ, Huyện Đ, tỉnh G. Khi đến ngã tư có vòng xuyến giữa đường Trần Hưng Đạo và đường Trần Phú thì H điều khiển xe máy chệch hướng sang trái theo vòng xuyến để rẽ qua đường Trần Phú nhưng không chú ý quan sát, không có tín hiệu báo hướng rẽ nên xảy ra tai nạn với xe máy biển số 81AA – 058.66 do Huỳnh Đức N điều khiển đi cùng chiều phía sau.

Hậu quả: Huỳnh Đức N bị thương nặng được đưa đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh G cấp cứu và chết cùng ngày tại Bệnh viện; Lê Nhật H bị sảy sát nhẹ; 02 xe máy bị hư hỏng một phần.

Theo Kết luận giám định pháp y về tử thi số 321 ngày 28/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G kết luận: Huỳnh Đức N chết do chấn thương sọ não. Tại biên bản kiểm tra ma túy, nồng độ còn hồi 11 giờ 33 phút ngày 28/3/2023 của Công an Hện Đ kết luận: Lê Nhật H không có nồng độ còn và âm tính đối với ma túy.

Tại xét nghiệm sinh hoá máu hồi 12 giờ 24 phút ngày 28/3/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh G kết luận: Huỳnh Đức N có nồng độ còn là 11.8mg/dl máu.

Theo Kết luận định giá tài sản số 80/KL-HĐĐGTS ngày 26/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản Hện Đ kết luận: Phần hư hỏng của xe máy biển số 81AA – 058.66 có trị giá là: 3.214.000 đồng.

#### **Hiện trường vụ tai nạn giao thông được thể hiện như sau:**

- Hiện trường đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là khu vực ngã tư đường Trần Hưng Đạo và đường Trần Phú (ngã tư giao nhau có vòng xuyến), thuộc Thôn 3, thị trấn Đ, Huyện Đ, tỉnh G. Đường Trần Hưng Đạo là đường đôi có dải phân cách cố định bằng bê tông có kích thước (1,95 x 0,2m) chia thành 02 chiều xe chạy, được trải nhựa phẳng, rộng 19,8m, có biển báo hiệu giao nhau chạy theo vòng xuyến, biển báo giao nhau với đường không ưu tiên, biển báo đi chậm trước ngã tư và đèn tín hiệu nhấp nháy màu vàng; Có hệ thống chiếu sáng công cộng. Chọn mép đường bên phải của đường Trần Hưng Đạo theo hướng Quốc lộ 19 đi xã N làm mép đường chuẩn.

+ Lấy trụ điện số 47/F12 56A/5 nằm bên phải của đường Trần Hưng Đạo theo hướng Quốc lộ 19 đi xã N làm điểm mốc.

- Sau khi tai nạn tại ngã tư đường Trần Hưng Đạo và đường Trần Phú phát hiện có 01 vết cà dạn đứt quãng trên mặt đường (ký hiệu 1). Vết có diện (2,5 x 0,005)m chiều hướng từ Quốc lộ 19 đi xã N; đầu vết cách mép đường chuẩn là 6,6m, đến trụ điện là 15m; cuối vết nằm ngay góc để chân phía trước bên trái của xe máy biển số 81AA - 184.88.

- Xe máy biển số 81AA – 184.88 nằm ngã nghiêng bên trái (ký hiệu 2), đầu xe chệch về hướng đi xã N, đuôi xe chệch về hướng Quốc lộ 19; tâm trục bánh trước đến

mép đường chuẩn là 6,7m; từ tâm trục bánh sau xe máy biển số 81AA - 184.88 đến mép đường chuẩn là 7,2m.

- Đầu dải phân cách đường Trần Hưng Đạo (sau ngã tư theo hướng Quốc lộ 19 đi xã N) phát hiện có 01 vết bê tông và bám dính chất màu đen (ký hiệu 3), vết có kích thước (0,35 x 0,13)m nằm ở mép trên, chệch sang phải của đầu dải phân cách; tâm vết cách mặt đất 20cm; cách mép đường chuẩn là 9,4m; cách tâm trục bánh trước xe máy biển số 81AA – 184.88 là 13,9m.

- Trên trụ điện chiếu sáng (nằm trong dải phân cách đường Trần Hưng Đạo - sau ngã tư theo hướng Quốc lộ 19 đi xã N) phát hiện có 01 vết trầy, bong tróc sơn (ký hiệu 4). Vết có diện (0,07 x 0,01)m; tâm vết đến mặt đất là 1,45m; đến mép đường chuẩn là 9,9m; cách tâm vết 3 là 3,3m.

- Trên mặt đường Trần Hưng Đạo (chiều đường hướng Quốc lộ 19 đi xã N) phát hiện có 01 vết cà dạng đứt quãng (ký hiệu 5). Vết có diện (2,45 x 0,01)m theo hướng từ Quốc lộ 19 đi xã N; đầu vết đến mép đường chuẩn là 8,3m; cuối vết nằm ngay gác để chân trước bên trái xe máy biển số 81AA – 058.66; đầu vết đến tâm vết 3 là 03m.

- Xe máy biển số 81AA – 058.66 nằm ngã nghiêng bên trái ở trên mặt đường Trần Hưng Đạo (ký hiệu 6), đầu xe hướng về xã N, hơi chệch vào dải phân cách; đuôi xe hướng về Quốc lộ 19, hơi chệch về mép đường chuẩn; tâm trục bánh trước xe đến mép đường chuẩn là 8,7m; tâm trục bánh sau xe đến mép đường chuẩn là 8,1m.

- Dải phân cách đường Trần Hưng Đạo (ở sau ngã tư theo hướng Quốc lộ 19 đi xã N) phát hiện 01 vết màu nâu đỏ, nghi là máu (ký hiệu 7). Vết có diện (0,3 x 0,17)m, tâm vết đến mép đường chuẩn là 10,1m, đến tâm trục bánh trước xe máy biển số 81AA - 058.66 là 1,6m.

- Đầu vết cà 1 đến trụ điện số 47/F12 56A/5 là 15m.

Căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường xác định điểm va chạm tai nạn nằm trên phần đường bên phải đường Trần Hưng Đạo theo hướng đi của 02 xe máy biển số 81AA – 184.88 và biển số 81AA – 058.66 theo hướng đường Quốc lộ 19 đi xã N, Hện Đ, tỉnh G.

## **2. Vật chứng và xử lý vật chứng:**

01 xe gắn máy biển số 81AA – 058.66 thu giữ tại hiện trường và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 028434, cấp cho xe gắn máy biển số 81AA - 058.66 ngày 03/01/2022 mang tên Nguyễn Thị X do Huỳnh Đức H giao nộp. Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an Hện Đ đã trả lại cho chị Xuân theo quy định.

01 xe máy biển số 81AA - 184.88 thu giữ tại hiện trường và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 028221, cấp cho xe gắn máy biển số 81AA - 184.88 ngày 07/6/2022 do Lê Văn T giao nộp. Quá trình điều tra xác định là của Lê Văn T nên Cơ quan CSĐT Công an Hện Đ đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

## **3. Về dân sự:**

Bị cáo Lê Văn T đã tự thỏa thuận bồi thường số tiền 25.000.000 đồng với đại diện hợp pháp của bị hại. Đại diện hợp pháp của bị hại đã có đơn bãi nại về dân sự, không có yêu cầu gì khác.

**4. Cáo trạng của Viện kiểm sát:** Tại bản cáo trạng số: 47/CT-VKS ngày 12/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Hện Đ tỉnh G đã truy tố bị cáo về tội: “Giao

cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố và đề nghị: Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân đã truy tố và mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

***Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:***

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Gia đình bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ai có yêu cầu bồi thường gì khác đối với bị cáo, gia đình bị hại có đơn bãi nại đối với bị cáo Lê Văn T. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại phiên tòa không ảnh hưởng hoặc trở ngại đến việc giải quyết vụ án nên tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, bản ảnh xác định hiện trường vụ tai nạn, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Ngày 28/3/2023, Lê Văn T biết rõ Lê Nhật H (sinh ngày 25/4/2007 – chưa đủ 16 tuổi) nhưng vẫn giao xe máy biển số 81AA – 184.88 cho H sử dụng làm phương tiện đi học. Đến 09 giờ 45 phút cùng ngày, H điều khiển xe máy trên đi đến ngã tư đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Đ giao nhau có vòng xuyến với đường Trần Phú, thị trấn Đ thì cHển hướng rẽ sang trái qua đường Trần Phú nhưng không chú ý quan sát và không bật xi nhan báo hiệu nên xảy ra tai nạn với xe máy biển số 81AA – 058.66 do Huỳnh Đức N điều khiển đi phía sau, cùng chiều. Hậu quả: Huỳnh Đức N chết; Lê Nhật H bị xây sát nhẹ; xe máy biển số 81AA – 058.66 bị hư hỏng có trị giá là 3.214.000 đồng. Nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn giao thông là do lỗi hỗn hợp.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cho người không đủ điều

kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Hện Đ đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; đại diện hợp pháp cho bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho cơ quan địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục để giúp cho bị cáo trở thành một công dân tốt có ích cho gia đình và cho xã hội.

[4]. Xét hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, nên miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về vật chứng: Các vật chứng đã được xử lý đúng quy định trong giai đoạn điều tra nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[8]. Về các vấn đề khác:

Đối với Huỳnh Đức N chưa đủ 16 tuổi, chưa đủ điều kiện điều khiển xe gắn máy có dung tích xi lanh 49cm<sup>3</sup>, điều khiển xe không giữ khoảng cách an toàn với xe chạy liền trước, không giảm tốc độ đến mức có thể dừng lại một cách an toàn trong trường hợp qua nơi đường bộ giao nhau cùng mức và có biển báo hiệu giao nhau với đường không ưu tiên, điều khiển xe máy trong tình trạng có nồng độ cồn là vi phạm khoản 8 Điều 8, Điều 11, khoản 1, Điều 12, khoản 1 Điều 60 Luật Giao thông đường bộ, khoản 1, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ Giao thông vận tải và khoản 6 Điều 5 Luật phòng chống tác hại của rượu bia. Tuy nhiên Nghĩa đã chết nên không xử lý.

Đối với Lê Nhật H chưa đủ 16 tuổi chưa đủ điều kiện điều khiển xe máy có dung tích xi lanh 49cm<sup>3</sup> tham gia giao thông, cHển hướng không chú ý quan sát, không có tín hiệu báo hướng rẽ nên dẫn đến tai nạn là vi phạm khoản 1, khoản 2 Điều 15, khoản 1 Điều 60 Luật Giao thông đường bộ làm 01 người chết. Tuy nhiên, tính đến ngày xảy ra tai nạn H chưa đủ 16 tuổi nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Đối với anh Huỳnh Đức H là chủ sở hữu xe máy biển số 81AA – 058.66. Tuy nhiên, ngày 28/3/2023, Huỳnh Đức N tự ý sử dụng xe trên đi học lúc anh Hiền không có ở nhà nên không có căn cứ xử lý.

[9]. Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều a khoản 1 Điều 264; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

- Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội: “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”.

Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã A, thành phố P, tỉnh G giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã A, thành phố P, tỉnh G trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo.

Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

(Hội đồng xét xử đã giải thích chế định án cải tạo không giam giữ cho bị cáo).

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND ;
- Công an ;
- (CQĐT, CQTHAHS)
- Chi cục THADS ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân H**